



AASCN

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TỬ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014
đã được soát xét*

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)

Trụ sở chính: 29 Hoàng Sa, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh. Tel: (84 8) 3910 3908 - 3910 4881 / Fax: (84 8) 3910 4880
CN Hà Nội: Số 15, Ngõ 640, Đường Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội. Tel: (84 4) 3793 1428 / Fax: (84 4) 3793 1429

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014
đã được soát xét*

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 – 03
Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính	04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét	05 – 28
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 – 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Xuân Mai - Đạo Tú (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuân Mai - Đạo Tú hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1903000500 cấp ngày 11 tháng 6 năm 2008, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất chuyển sang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2500302820 ngày 03 tháng 7 năm 2009. Các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu và thay đổi từ lần thứ nhất đến lần thứ 4 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là **40.000.000.000** đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán bao gồm:

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét (Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông các loại, ống cống thoát nước).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Khu phố Bê Tông, xã Đạo Tú, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 05 đến trang 28).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Đức Ứng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 19/4/2014
Ông Trần Trọng Diên	Chủ tịch	Miễn nhiệm chức vụ chủ tịch và là ủy viên từ ngày 19/4/2014
Ông Nguyễn Cao Thắng	Ủy viên	
Ông Đinh Viết Long	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 19/4/2014
Ông Nguyễn Đức Thảo	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 19/4/2014
Ông Trần Bình Hải	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 19/4/2014

BAN GIÁM ĐỐC VÀ PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

Các thành viên của Ban Giám đốc và Phụ trách kế toán trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Cao Thắng	Giám đốc	
Ông Trần Quang Đình	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19/6/2014
Ông Trần Bình Hải	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 19/6/2014
Ông Nguyễn Hồng Tước	Phó Giám đốc	
Bà Nguyễn Ngọc Phượng	Phụ trách kế toán	

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ

Khu phố Bê Tông, Xã Đạo Tú, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vĩnh Phúc, ngày 13 tháng 8 năm 2014

TM. Ban Giám đốc

Giám đốc



Nguyễn Cao Thăng

Số : 279/2014/BCSX-AASCN

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Công ty cổ phần Xuân Mai - Đạo Tú được lập ngày 08 tháng 8 năm 2014 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 được trình bày từ trang 05 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 chưa được soát xét bởi tổ chức kiểm toán độc lập và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2014

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Giám đốc



Bùi Ngọc Vương
Số Giấy CN ĐKHN
kiểm toán: 0941-2013-152-1

Kiểm toán viên



Bùi Thị Ngọc Lân
Số Giấy CN ĐKHN
kiểm toán: 0300-2013-152-1

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-08) 3910 4881 * Fax: (84-08) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn * Web: www.aascn.com.vn

Branch in Hanoi

No15, Alley 640, Lang Road, Dong Da Dist., Hanoi
Tel: (84-04) 3793 1428 * Fax: (84-04) 3793 1429
Email: admin@namviethn.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	01/01/2014
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		142.078.271.421	116.711.525.067
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		643.606.885	3.009.604.252
1.	Tiền	111	V.01	643.606.885	3.009.604.252
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		74.675.614.924	85.644.975.410
1.	Phải thu khách hàng	131		76.059.058.002	87.075.707.909
2.	Trả trước cho người bán	132		465.853.063	368.547.689
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.02	13.787.878	203.323.759
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(1.863.084.019)	(2.002.603.947)
IV.	Hàng tồn kho	140		62.809.711.444	26.127.615.242
1.	Hàng tồn kho	141	V.03	66.845.766.495	30.163.670.293
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	V.04	(4.036.055.051)	(4.036.055.051)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		3.949.338.168	1.929.330.163
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.742.535.995	12.532.671
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	2.206.802.173	1.916.797.492

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ

Khu phố Bê Tông, Xã Đạo Tú, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	01/01/2014
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		37.437.787.607	40.265.253.771
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		35.644.885.555	38.098.307.589
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	28.061.253.300	29.468.376.362
	- Nguyên giá	222		64.786.675.938	62.890.959.967
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(36.725.422.638)	(33.422.583.605)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.07	1.437.878.780	2.764.492.306
	- Nguyên giá	225		2.415.636.364	4.210.853.364
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(977.757.584)	(1.446.361.058)
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	6.145.753.475	5.865.438.921
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
1.	Nguyên giá	241		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		1.792.902.052	2.166.946.182
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	1.623.995.608	1.800.565.738
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268	V.10	168.906.444	366.380.444
VI.	Lợi thế thương mại	269		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		179.516.059.028	156.976.778.838

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ

Khu phố Bê Tông, Xã Đạo Tú, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	01/01/2014
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		138.896.464.468	114.152.836.004
I.	Nợ ngắn hạn	310		138.896.464.468	114.152.836.004
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	36.914.160.434	44.197.268.162
2.	Phải trả người bán	312		41.327.665.482	37.288.375.990
3.	Người mua trả tiền trước	313		45.543.683.543	9.201.878.285
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	287.530.987	6.949.149.567
5.	Phải trả người lao động	315		5.869.932.905	3.538.040.678
6.	Chi phí phải trả	316	V.13	228.400.000	42.000.000
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	7.037.628.151	11.141.356.256
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.687.462.966	1.794.767.066
II.	Nợ dài hạn	330		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334		-	-
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		40.619.594.560	42.823.942.834
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.15	40.619.594.560	42.823.942.834
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	40.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		3.634.000.000	3.634.000.000
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		3.736.131.836	3.736.131.836
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		1.868.073.535	1.868.073.535
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(8.618.610.811)	(6.414.262.537)
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C	LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		179.516.059.028	156.976.778.838

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ

Khu phố Bê Tông, Xã Đạo Tú, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/6/2014	01/01/2014
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại		-	-
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Vĩnh Phúc, ngày 08 tháng 8 năm 2014

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Giám đốc



Phan Thị Thanh Doan

Nguyễn Ngọc Phượng

Nguyễn Cao Thắng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	39.783.599.810	41.201.771.846
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.02	39.783.599.810	41.201.771.846
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	34.010.564.384	29.667.915.516
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.773.035.426	11.533.856.330
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	10.500.530	2.182.542.708
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	2.341.441.408	3.529.653.728
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.341.441.408	3.166.909.712
8.	Chi phí bán hàng	24		2.528.069.268	3.232.882.504
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.715.042.966	5.994.549.792
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.801.017.686)	959.313.014
11.	Thu nhập khác	31	VI.06	1.066.679.623	-
12.	Chi phí khác	32	VI.07	470.010.211	-
13.	Lợi nhuận khác	40		596.669.412	-
14.	Phần lãi, lỗ trong công ty liên kết liên doanh	45		-	-
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2.204.348.274)	959.313.014
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	-	239.828.254
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(2.204.348.274)	719.484.760
	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		(2.204.348.274)	719.484.760
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	(551)	180

Vĩnh Phúc, ngày 08 tháng 8 năm 2014

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Giám đốc



Phan Thị Thanh Doan

Nguyễn Ngọc Phượng

Nguyễn Cao Thắng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		(2.204.348.274)	959.313.014
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định	02		2.984.511.937	2.590.912.118
-	Các khoản dự phòng	03		(139.519.928)	-
-	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
-	(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(180.641.814)	(2.582.542.708)
-	Chi phí lãi vay	06		2.341.441.408	3.529.653.728
3.	<i>Lợi nhuận/(lỗ) từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		2.801.443.329	4.497.336.152
-	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		9.088.872.409	3.493.695.379
-	(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(36.682.096.202)	(4.972.164.058)
-	Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		37.462.952.810	(8.002.029.811)
-	(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		176.570.130	2.763.297.033
-	Tiền lãi vay đã trả	13		(2.471.672.036)	(3.529.653.728)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(3.098.681.890)	-
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		197.474.000	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(107.304.100)	(126.800.000)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		7.367.558.450	(5.876.319.033)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
-	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(595.494.074)	(2.640.305.417)
-	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		234.545.455	-
-	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
-	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
-	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
-	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
-	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.500.530	2.182.542.708
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(350.448.089)	(457.762.709)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ

Khu phố Bê Tông, Xã Đạo Tú, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		50.582.304.826	47.798.615.926
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(57.306.570.856)	(40.625.117.641)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(558.841.698)	(517.701.998)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.100.000.000)	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(9.383.107.728)	6.655.796.287
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(2.365.997.367)	321.714.545
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		3.009.604.252	727.382.243
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		643.606.885	1.049.096.788

Vĩnh Phúc, ngày 08 tháng 8 năm 2014

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Giám đốc





Phan Thị Thanh Doan

Nguyễn Ngọc Phượng

Nguyễn Cao Thắng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, xây dựng, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 bao gồm:

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét (Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông các loại, ống cống thoát nước).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

03. Công ty con được hợp nhất

<i>Tên công ty con</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại ngày 30/6/2014</i>	<i>Quyền biểu quyết của Công ty mẹ</i>	
			<i>Tại ngày 30/6/2014</i>	<i>Tại ngày 01/01/2014</i>
Công ty TNHH MTV Đạo Tú Thanh Phát	Thôn Lục Liêu, xã Thanh Phát, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	100%	100%	100%

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

03. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

16.1
Á
T
TU
KẾ
T
LIỆ
T

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập căn cứ vào Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của Công ty con.

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Công ty trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ và các công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chí phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh. Tại thời điểm cuối kỳ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ kế toán.

03. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ

Khu phố Bê Tông, Xã Đạo Tú, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 20 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06 năm

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

05. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

06. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chờ phân bổ;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định;
- Chi phí gia công vắn khuôn;
- Chi phí thương hiệu Vinaconex Xuân Mai;
- Chi phí trả trước khác.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ

Khu phố Bê Tông, Xã Đạo Tú, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

08. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần: là khoản chênh lệch do bán cổ phần phát hành để lại cho Công ty Cổ phần.

09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

	30/6/2014	01/01/2014
01. Tiền		
- Tiền mặt	130.708.284	160.270.267
- Tiền gửi ngân hàng	512.898.601	2.849.333.985
Cộng	643.606.885	3.009.604.252
02. Các khoản phải thu ngắn hạn khác		
- Phải thu khác		63.803.831
+ Thuế GTGT của tài sản thuê tài chính	13.787.878	139.519.928
+ Các đối tượng khác	-	-
Cộng	13.787.878	203.323.759
03. Hàng tồn kho		
- Nguyên liệu, vật liệu	8.664.390.485	7.427.955.424
- Công cụ, dụng cụ	-	5.780.000
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	8.865.605.068	6.133.499.211
- Thành phẩm	48.683.686.520	15.964.351.236
- Hàng gửi đi bán	632.084.422	632.084.422
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	66.845.766.495	30.163.670.293
04. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
Thành phẩm	(4.036.055.051)	(4.036.055.051)
Cộng	(4.036.055.051)	(4.036.055.051)
05. Tài sản ngắn hạn khác		
- Tạm ứng	2.206.802.173	1.916.797.492
Cộng	2.206.802.173	1.916.797.492

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ

Khu phố Bê Tông, Xã Đạo Tú, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>35.728.482.946</i>	<i>19.427.684.789</i>	<i>5.830.872.980</i>	<i>1.903.919.252</i>	<i>62.890.959.967</i>
- Mua trong kỳ	-	305.305.826	-	-	305.305.826
- Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	1.805.090.694	-	-	1.805.090.694
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(214.680.549)	-	-	(214.680.549)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>35.728.482.946</i>	<i>21.323.400.760</i>	<i>5.830.872.980</i>	<i>1.903.919.252</i>	<i>64.786.675.938</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>13.911.910.991</i>	<i>13.853.233.807</i>	<i>4.025.863.012</i>	<i>1.631.575.795</i>	<i>33.422.583.605</i>
- Khấu hao trong kỳ	1.400.106.904	791.799.669	413.318.768	78.511.354	2.683.736.695
- Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	769.378.716	-	-	769.378.716
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(150.276.378)	-	-	(150.276.378)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>15.312.017.895</i>	<i>15.264.135.814</i>	<i>4.439.181.780</i>	<i>1.710.087.149</i>	<i>36.725.422.638</i>
III. Giá trị còn lại					
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>21.816.571.955</i>	<i>5.574.450.982</i>	<i>1.805.009.968</i>	<i>272.343.457</i>	<i>29.468.376.362</i>
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	<i>20.416.465.051</i>	<i>6.059.264.946</i>	<i>1.391.691.200</i>	<i>193.832.103</i>	<i>28.061.253.300</i>

- Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 10.975.634.115 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ

Khu phố Bê Tông, Xã Đạo Tú, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Tài sản cố định vô hình	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>4.210.853.364</i>	-	<i>4.210.853.364</i>
- Thuê tài chính trong kỳ	-	-	-
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(1.795.217.000)	-	(1.795.217.000)
- Tăng khác	-	-	-
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>2.415.636.364</i>	-	<i>2.415.636.364</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>1.446.361.058</i>	-	<i>1.446.361.058</i>
- Khấu hao trong kỳ	300.775.242	-	300.775.242
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(769.378.716)	-	(769.378.716)
- Tăng khác	-	-	-
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>977.757.584</i>	-	<i>977.757.584</i>
III. Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính			
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>2.764.492.306</i>	-	<i>2.764.492.306</i>
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	<i>1.437.878.780</i>	-	<i>1.437.878.780</i>

08. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2014	01/01/2014
Bao gồm các công trình:		
- Dự án mở đá thôn Lục Liễu	6.145.753.475	5.865.438.921
Cộng	6.145.753.475	5.865.438.921

09. Chi phí trả trước dài hạn

	30/6/2014	01/01/2014
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	247.951.969	246.534.992
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định	335.276.946	264.030.873
- Chi phí gia công ván khuôn	935.690.922	1.105.685.420
- Chi phí thương hiệu Vinaconex Xuân Mai	50.000.010	100.000.008
- Chi phí khác	55.075.761	84.314.445
Cộng	1.623.995.608	1.800.565.738

10. Tài sản dài hạn khác

	30/6/2014	01/01/2014
- Ký cược, ký quỹ dài hạn	168.906.444	366.380.444
Cộng	168.906.444	366.380.444

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ

Khu phố Bê Tông, Xã Đạo Tú, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Vay và nợ ngắn hạn

	30/6/2014	01/01/2014
Vay ngắn hạn	36.589.410.423	42.977.269.949
- Vay ngân hàng	36.589.410.423	42.977.269.949
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Vĩnh Phúc ^(a)	23.885.384.763	24.556.910.885
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Vĩnh Phúc ^(b)	9.262.439.738	11.953.915.031
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Vĩnh Phúc ^(c)	3.441.585.922	5.266.444.033
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội -CN Vĩnh Phúc	-	1.200.000.000
- Vay đối tượng khác	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	324.750.011	1.219.998.213
- Vay dài hạn đến hạn trả	168.750.000	505.156.504
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội -CN Vĩnh Phúc	168.750.000	505.156.504
- Nợ thuê tài chính	156.000.011	714.841.709
+ Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	156.000.011	468.000.009
+ Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương tín - CN Hà Nội	-	246.841.700
Cộng	36.914.160.434	44.197.268.162

- (a) Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 14/DN-ĐB/NHHM019 ngày 20/01/2014 để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất được điều chỉnh theo thông báo của ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Vĩnh Phúc từng thời kỳ. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE416800 và số BE416561 bao gồm quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền trên đất tại Khu phố Bê Tông, xã Đạo Tú, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, một số máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và tài sản của bên thứ ba.
- (b) Là khoản vay theo hợp đồng số 79.14.355.924402.TĐ ngày 20/01/2014 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất, kỳ điều chỉnh lãi suất được xác định cụ thể trên từng Khế ước nhận nợ tại thời điểm giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị hàng tồn kho (20.000.000.000 đồng) và tài sản của Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Xuân Mai bao gồm: khoản phải thu 40.800.000.000 đồng và quyền đòi nợ số tiền 15.300.000.000 đồng.
- (c) Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 01/2014/362395/HĐTD ngày 03/04/2014 để bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh mở thư tín dụng L/C (nếu có). Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Khoản vay này được đảm bảo bằng xe ô tô Toyota Innova BKS 88K-1187, cầu trục hai dầm Q=7,5 tấn, hệ thống đường điện, hệ thống đường ray, xưởng sản xuất cấu kiện bê tông 1 và các thiết bị đi kèm của công ty tại khu phố Bê Tông, xã Đạo Tú, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/6/2014	01/01/2014
- Thuế giá trị gia tăng bán ra trong nước	-	3.703.794.126
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.098.681.890
- Thuế thu nhập cá nhân	287.530.987	146.673.551
Cộng	287.530.987	6.949.149.567

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ

Khu phố Bê Tông, Xã Đạo Tú, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Chi phí phải trả

	30/6/2014	01/01/2014
- Chi phí tiền thuê đất	203.400.000	-
- Chi phí khác	25.000.000	42.000.000
Cộng	228.400.000	42.000.000

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/6/2014	01/01/2014
- Kinh phí công đoàn	1.059.061.170	1.088.024.820
- Bảo hiểm xã hội	1.035.542.879	2.451.996.428
- Bảo hiểm thất nghiệp	45.543.638	23.358.550
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.897.480.464	7.577.976.458
+ <i>Vay ngắn hạn của cán bộ công nhân viên</i>	2.935.934.661	3.481.055.336
+ <i>Thưởng ban điều hành</i>	350.000.000	350.000.000
+ <i>Cổ tức năm 2012</i>	-	2.100.000.000
+ <i>Lãi vay phải trả</i>	78.889.271	209.119.899
+ <i>Các đối tượng khác</i>	1.532.656.532	1.437.801.223
Cộng	7.037.628.151	11.141.356.256

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ

Khu phố Bê Tông, Xã Đạo Tú, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

15. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	40.000.000.000	3.634.000.000	2.640.228.796	1.403.271.251	12.942.309.891	60.619.809.938
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	(10.414.262.537)	(10.414.262.537)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	1.095.903.040	464.802.284	(8.942.309.891)	(7.381.604.567)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	40.000.000.000	3.634.000.000	3.736.131.836	1.868.073.535	(6.414.262.537)	42.823.942.834
Số dư đầu năm nay						
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	(2.204.348.274)	(2.204.348.274)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	40.000.000.000	3.634.000.000	3.736.131.836	1.868.073.535	(8.618.610.811)	40.619.594.560

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ

Khu phố Bê Tông, Xã Đạo Tú, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/6/2014	01/01/2014
- Vốn góp của Nhà nước	-	-
- Vốn góp của các đối tượng khác	40.000.000.000	40.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai	26.000.000.000	26.000.000.000
+ Các cổ đông khác	14.000.000.000	14.000.000.000
Cộng	40.000.000.000	40.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	40.000.000.000	40.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	40.000.000.000	40.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	6.000.000.000

d. Cổ phiếu

	30/6/2014	01/01/2014
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.000.000	4.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.000.000	4.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	4.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.000.000	4.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	4.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
- Doanh thu bán thành phẩm	39.783.599.810	41.201.771.846
Cộng	39.783.599.810	41.201.771.846

02. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	34.010.564.384	29.667.915.516
Cộng	34.010.564.384	29.667.915.516

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ
 Khu phố Bê Tông, Xã Đạo Tú, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.500.530	8.382.619
- Lãi bán hàng trả chậm	-	2.174.160.089
Cộng	10.500.530	2.182.542.708

04. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
- Lãi tiền vay	2.341.441.408	3.166.909.712
- Chi phí lãi chậm thanh toán	-	362.744.016
Cộng	2.341.441.408	3.529.653.728

05. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
- Thu thanh lý tài sản cố định	234.545.455	-
- Thu nhập khác	832.134.168	-
Cộng	1.066.679.623	-

06. Chi phí khác

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
- Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	64.404.171	-
- Chi phí khác	405.606.040	-
Cộng	470.010.211	-

07. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ kế toán hiện hành	-	239.828.254
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	239.828.254

Chi tiết cách xác định Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.204.348.274)	959.313.014
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	(2.204.348.274)	959.313.014
Thuế suất thuế TNDN	22%	25%
Thuế TNDN	-	239.828.254
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	-	239.828.254

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ

Khu phố Bê Tông, Xã Đạo Tú, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(2.204.348.274)	719.484.760
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(2.204.348.274)	719.484.760
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.000.000	4.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(551)	180

09. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	53.626.035.716	28.804.701.646
- Chi phí nhân công	14.478.551.160	10.173.287.278
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.984.511.937	3.104.717.971
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.209.343.206	2.031.176.424
- Chi phí khác bằng tiền	2.406.675.740	3.181.700.718
Cộng	75.705.117.759	47.295.584.037

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Không có thông tin

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Ban Giám đốc.

Thu nhập của Ban giám đốc như sau:

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
Tiền lương	341.584.140	271.446.639
Cộng	341.584.140	271.446.639

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai - chi nhánh Hà Đông
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai - chi nhánh Xuân Mai
- Công ty Cổ phần Cơ giới vận tải Vinaconex Xuân Mai
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xuân Mai
- Công ty Cổ phần Xây lắp Xuân Mai

Mối quan hệ

- Công ty mẹ
- Chi nhánh Công ty mẹ
- Chi nhánh Công ty mẹ
- Cùng Công ty mẹ
- Cùng Công ty mẹ
- Cùng Công ty mẹ

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ

Khu phố Bê Tông, Xã Đạo Tú, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</u>	<u>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</u>
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai		
- Doanh thu bán thành phẩm	21.686.947.818	24.493.173.105
- Mua hàng	36.828.352.274	5.253.385.653
- Sử dụng dịch vụ	208.610.148	-
- Mua tài sản cố định	225.213.826	-
- Doanh thu lãi chậm thanh toán	826.484.168	2.174.160.089
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai - Chi nhánh Hà Đông		
- Doanh thu bán thành phẩm	-	9.485.196.767
- Mua hàng	-	134.402.750
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai - Chi nhánh Xuân Mai		
- Mua hàng	308.411.363	510.466.380
Công ty CP Xây lắp Xuân Mai		
- Doanh thu bán thành phẩm	-	454.823.259
- Mua hàng	-	162.205.093
Công ty CP Tư vấn Thiết kế Xuân Mai		
- Doanh thu bán thành phẩm	-	55.163.636
Công ty CP Cơ giới vận tải Vinaconex Xuân Mai		
- Mua hàng	572.261.724	359.014.745
- Chi phí lãi trả chậm	22.052.457	211.897.007

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>30/6/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai		
Phải thu khách hàng	74.406.161.611	83.275.457.449
Cộng nợ phải thu	<u>74.406.161.611</u>	<u>83.275.457.449</u>
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai		
- Phải trả người bán	19.571.899.193	12.471.910.487
- Người mua trả tiền trước	44.966.101.043	4.490.881.399
- Công ty CP Cơ giới vận tải Vinaconex Xuân Mai		
- Phải trả người bán	776.367.821	788.870.017
Cộng nợ phải trả	<u>65.314.368.057</u>	<u>17.751.661.903</u>

02. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty chỉ kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất cấu kiện bê tông.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ

Khu phố Bê Tông, Xã Đạo Tú, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	30/6/2014		01/01/2014		30/6/2014	01/01/2014
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	643.606.885	-	3.009.604.252	-	643.606.885	3.009.604.252
Phải thu khách hàng và phải thu khác	76.072.845.880	(1.863.084.019)	87.279.031.668	(2.002.603.947)	74.209.761.861	85.276.427.721
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	76.716.452.765	(1.863.084.019)	90.288.635.920	(2.002.603.947)	74.853.368.746	88.286.031.973

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	30/6/2014	01/01/2014	30/6/2014	01/01/2014
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	41.327.665.482	37.288.375.990	41.327.665.482	37.288.375.990
Vay và nợ	36.914.160.434	44.197.268.162	36.914.160.434	44.197.268.162
Chi phí phải trả	228.400.000	42.000.000	228.400.000	42.000.000
Các khoản phải trả khác	4.897.480.464	7.577.976.458	4.897.480.464	7.577.976.458
Cộng	83.367.706.380	89.105.620.610	83.367.706.380	89.105.620.610

04. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

05. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Đơn vị tính: VND

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
30/6/2014				
Phải trả cho người bán	41.327.665.482	-	-	41.327.665.482
Vay và nợ	36.914.160.434	-	-	36.914.160.434
Chi phí phải trả	228.400.000	-	-	228.400.000
Các khoản phải trả khác	4.897.480.464	-	-	4.897.480.464
Cộng	83.367.706.380	-	-	83.367.706.380
01/01/2014				
Phải trả cho người bán	37.288.375.990	-	-	37.288.375.990
Vay và nợ	44.197.268.162	-	-	44.197.268.162
Chi phí phải trả	42.000.000	-	-	42.000.000
Các khoản phải trả khác	7.577.976.458	-	-	7.577.976.458
Cộng	89.105.620.610	-	-	89.105.620.610

06. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ

Khu phố Bê Tông, Xã Đạo Tú, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

07. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 chưa được soát xét bởi đơn vị kiểm toán độc lập và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

08. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Vĩnh Phúc, ngày 08 tháng 8 năm 2014

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Giám đốc



Phan Thị Thanh Doan

Nguyễn Ngọc Phượng

Nguyễn Cao Thắng